

# 経費支弁書

## ĐƠN XIN BẢO LÃNH KINH PHÍ

日本国法務大臣 殿

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ tư pháp Nhật Bản

\_\_\_\_\_年\_\_\_\_\_月\_\_\_\_\_日  
Năm Tháng Ngày

出願者氏名 :

国 籍 :

Họ tên người đăng ký \_\_\_\_\_

Quốc tịch \_\_\_\_\_

生 年 月 日 :

Ngày sinh \_\_\_\_\_年\_\_\_\_\_月\_\_\_\_\_日 ( 男 ・ 女 )  
Năm Tháng Ngày Nam / Nữ

私は、この度、上記の者が日本へ入国した場合の経費支弁者になりましたので、下記のとおり経費支弁について誓約いたします。

Tôi sẽ đứng tên làm người bảo lãnh chi trả kinh phí cho người có tên trên đây khi đi du học tại Nhật. Tôi xin cam kết tuân theo những điều liên quan đến việc chi trả kinh phí dưới đây

1. (1) 申請者との関係 Quan hệ với người đăng ký

(2) 経費支弁の理由および引受経緯 Lí do đứng tên làm người bảo lãnh

2. 経費支弁額と支弁方法 Kinh phí bảo lãnh và cách thức chi trả

私、\_\_\_\_\_は以下の学費と生活費を支弁します。また、上記の者が在留期間更新申請を行う際には、送金証明書または本人名義預金通帳（送金事実が記載されたもの）の写し等で生活費等の支弁事実を明らかにする書類を提出します。

Tôi tên là \_\_\_\_\_ sẽ chi trả học phí và sinh hoạt phí dưới đây. Ngoài ra, khi người có tên ở trên gia hạn thời gian cư trú, tôi sẽ cung cấp đầy đủ các giấy tờ cần thiết để xác thực người bảo lãnh kinh phí như bản sao giấy chứng nhận chuyển tiền, bản sao sổ tiết kiệm đứng tên tôi (có đầy đủ thông tin xác thực việc chuyển tiền)...

(1) 学 費 Học phí ¥ \_\_\_\_\_ yen (1 年分 / 1 năm)

(2) 生 活 費 Sinh hoạt phí ¥ \_\_\_\_\_ yen (月 額 / 1 tháng)

(3) 支弁方法 (支弁方法を具体的にお書きください)

Cách thức chi trả (Ghi cụ thể cách thức chi trả)

---

---

---

---

経費支弁者 Người bảo lãnh \_\_\_\_\_ 署名 Chữ ký \_\_\_\_\_ 印 Đóng dấu

現住所 Địa chỉ hiện tại \_\_\_\_\_

電話 Điện thoại. \_\_\_\_\_